Hôn nhân của người Bahnar ở Gia Lai: truyền thống và những biến đổi

Buôn Krông Tuyết Nhung
Trường Đại học Tây Nguyên
Email liên hệ: tuyetnhungbkw@gmail.com

Tóm tắt: Văn hóa truyền thống của người Bahnar đã tạo nên sự đa dạng văn hóa tộc người của tỉnh Gia Lai. Trong đó, giá trị hôn nhân của người Bahnar là một yếu tố quan trọng, được người Bahnar kế thừa, phát huy xây dựng hạnh phúc gia đình. Đặc điểm hôn nhân truyền thống của người Bahnar và những biến đổi của nó ở Gia Lai được trình bày qua mô tả, phân tích về quan niệm, nguyên tắc, hình thức cư trú và những quy định bảo vệ tính bền vững của hôn nhân người Bahnar. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để nhìn nhận khách quan các giá trị cốt lõi của hôn nhân người Bahnar.

Từ khóa: hôn nhân; người Bahnar; giá trị; truyền thống; biến đổi.

Marriage of the Bahnar people in Gia Lai: traditions and changes

Abstract: Bahnar traditional culture has created the ethnic cultural diversity of Gia Lai province. In particular, the value of Bahnar marriage is an important factor, being inherited and promoted for building family happiness. The characteristics of Bahnar traditional marriage and its changes in Gia Lai are presented through the description and analysis of concepts, principles, residence forms and regulations to protect the sustainability of Bahnar marriage. The research results are the basis for further research on the core values of Bahnar marriage.

Keywords: marriage, Bahnar people, value, tradition, changes.

Ngày nhận bài: 08/04/2020 **Ngày duyệt đăng:** 10/11/2020

1. Đặt vấn đề

Người Bahnar thuộc nhóm ngôn ngữ Môn Khmer (ngữ hệ Nam Á), địa bàn cư trú của tộc người này trải rộng ở các huyện của tỉnh Gia Lai, Kon Tum và miền Tây các tỉnh Bình Định, Phú Yên và Khánh Hoà. Hiện nay người Bahnar cư trú tập trung đông nhất ở tỉnh Gia Lai, với số dân hơn 1.417.259 người (Cục Thống kê tỉnh Gia Lai, 2017), phân bố ở huyện Mang Yang, Đắk Đoa, Kbang, Đắk Pơ và huyện Kông Chro, An Khê,... Tổ chức xã hội truyền thống của người Bahnar là plei, plơi, đe, kon (*làng*) và trên làng là tơring (vùng, xứ sở). Làng của người Bahnar là một tổ chức đặc biệt, có vai trò quan trọng với phát triển xã hội. Các thành viên, gia đình, dòng họ của người Bahnar được liên kết, tồn tại và phát triển gắn với các quyền sở hữu và trách nhiệm trên cơ sở của luật tục. Hoạt động sinh kế truyền thống của họ phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp và sinh kế tự nhiên. Việc khai thác các sản phẩm trong tự nhiên vào mùa nông nhàn được diễn ra khá phổ biến. Sản phẩm lao động được phân phối theo bình quân đầu người và tuân thủ theo nguyên tắc tập thể.

Hôn nhân và gia đình của người Bahnar theo hình thái phụ hệ. Mỗi gia đình nhiều nhất là 4 hoặc 3 thế hệ cùng chung sống trong một ngôi nhà sàn. Đàn ông chủ động cưới vợ, sau

lễ cưới hình thức cư trú luân phiên khá phổ biến, khi đủ điều kiện kinh tế thì họ có thể ở cố định bên chồng, hoặc bên vợ. Con cháu sinh ra thường theo họ cha, con trai con gái được thừa kế tài sản như nhau. Mối quan hệ về dòng họ thường được kể lại qua truyền miệng chứ chưa được ghi chép thành gia phả. Cá nhân được định danh bởi một cái tên nào đó gắn với một kỷ niệm liên quan đến bố mẹ, gia đình hay dòng họ. Người Bahnar theo tín ngưỡng đa thần và chịu sự chi phối quan niệm vạn vật hữu linh. Trong những năm gần đây, một bộ phận người Bahnar theo Tin Lành hoặc Công giáo. Sự tác động của tôn giáo đã, đang làm biến đổi nhiều mặt trong đời sống, xã hội Bahnar, tạo điều kiện giao lưu, trao đổi giữa người Bahnar và các tộc người khác trong khu vực.

Cho đến nay, làng của người Bahnar đã có sự biến đổi về căn bản. Tổ chức làng cổ truyền Bahnar không còn thuần túy vận hành theo kiểu tự quản mà chuyển thành một trong yếu tố quan trọng của bộ máy hành chính. Với sự du nhập mở rộng của phương thức sản xuất nông nghiệp mới, người Bahnar đã có sự hòa nhập, bước đầu tích lũy vốn, tiếp cận nguồn lực, khoa học kỹ thuật,… qua đó từng bước thay đổi theo hướng hiện đại hóa. Bên cạnh đó, người Bahnar đang đối diện với nhiều thách thức từ sự khan hiếm về nguồn sinh kế tự nhiên, biến đổi khí hậu, di dân và đói nghèo,… Những yếu tố chủ quan và khách quan trên đã có tác động đến đặc điểm hôn nhân truyền thống của người Bahnar cũng như sự biến đổi của nó hiện nay ở tỉnh Gia Lai.

2. Độ tuổi và các tiêu chí lựa chọn vợ/chồng

Trong xã hội truyền thống, thời gian của người Bahnar được tính theo mùa vụ, nên tuổi kết hôn của họ thường được căn cứ vào số lần của các mùa nông vụ. Thông thường tuổi kết hôn lần đầu của nữ được tính từ 13 mùa rẫy trở lên, 14 hoặc 15 mùa rẫy đối với nam. Đặc biệt, các biểu hiện của cơ thể về tuổi dậy thì có khả năng làm cha/làm mẹ và thành thạo các kỹ năng lao động, sản xuất được xem là tiêu chí quan trọng để kết hôn. Bên cạnh đó, phẩm chất đạo đức và mối quan hệ tốt với cộng đồng còn được xem là cần thiết. Như vậy, tuổi kết hôn lần đầu của người Bahnar trước kia là khá sớm, ước chừng khoảng từ 13 trở lên đối với nữ, 14 hoặc 15 tuổi trở lên đối với nam.

Như vậy, nếu căn cứ vào qui định độ tuổi của Liên Hợp Quốc và các văn bản liên quan đến trẻ em thì tuổi kết hôn của người Bahnar trong xã hội truyền thống ngày xưa đa số ở độ tuổi "trẻ em", vì trong qui định độ tuổi "trẻ em" của Liên Hợp Quốc là dưới 18 tuổi. Điều 1 Công ước của Liên Hợp quốc về Quyền trẻ em (United Nations Convention on the rights of the child - CRC) quy định: Trong phạm vi của Công ước này, trẻ em có nghĩa là mọi người dưới 18 tuổi, trừ trường hợp luật pháp áp dụng với trẻ em đó quy định tuổi thành niên sớm hơn. Tại Điều 2 trong Công ước số 182 - Công ước Nghiêm cấm và hành động khẩn cấp xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất năm 1999 có quy định: Trong Công ước này, thuật ngữ "trẻ em" sẽ áp dụng cho tất cả những người dưới 18 tuổi. Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 qui định tuổi được phép kết hôn của nam là đủ 20 tuổi, nữ đủ 18 tuổi. Cho dù đã hết độ tuổi "trẻ em" theo các bộ luật khác, nam và nữ dưới ngưỡng tuổi này đều không được phép kết hôn. Có thể nói đa số hôn nhân của nam nữ Bahnar trong xã hội truyền thống ngày xưa đều rơi vào trường hợp tảo hôn. Nói khác đi, hầu hết tất cả nam nữ ngày xưa đều kết hôn trong độ tuổi trẻ em.

Nam nữ Bahnar được tự do lựa chọn bạn đời nhưng phải được bố mẹ chồng, có những trường hợp bố mẹ lựa chọn và gợi ý cho con mình quyết định. Con trai thường chủ động tỏ tình với bạn gái khi cảm thấy mình đủ điều kiện. Dân gian thường viện dẫn rằng: Trâu bò không ai ép thừng, trai gái không ai ép duyên. Nếu hai người ưng nhau, muốn lấy nhau thì vòng cứ đặt trên chiếu, tự họ, họ sẽ cầm lấy, không một ai cầm trao cho họ. Trong lễ dạm hỏi, người đại diện của họ sẽ khẳng định: "Nếu anh bằng lòng lấy người ta thì cái ống điếu già làng

và chuỗi hạt để trên chiếu anh hãy cầm lấy. Chúng tôi không cầm trao tận tay anh đâu kẻo mai kia anh lại bảo những người mối kia ép anh" (Cán bộ phụ nữ làng Đe Jun, xã Yang Bắc, huyện Đắk Pơ cung cấp).

Môi trường giao tiếp và trao đổi tình cảm của nam nữ Bahnar thường được diễn ra trực tiếp qua hoạt động lễ hội hoặc khi đổi công vào mùa nông vụ. Hoạt động lễ hội thường diễn ra nhiều ngày, cộng đồng thường diễn tấu cồng chiêng, múa soang, hát dân ca,… vào ban đêm và đó cũng là lúc họ ở lại "ngủ thăm". Mọi sự lạm dụng về thể xác trong giai đoạn này sẽ bị cho là vi phạm luật tục và sẽ bị tố cáo. Trong quá trình "ngủ thăm", chàng trai nào có được thiện cảm với cô gái thì sự kết nối nghiêm túc của họ sẽ được xác định. Nếu chàng trai nào lợi dụng tình cảm để xâm hại một cô gái thì họ sẽ bị tố cáo và phải đưa ra xét xử theo luật tục. Như vậy, nhân cách, đạo đức của người Bahnar được đánh giá không chỉ bằng tài năng, trí tuệ, sức lao động mà còn được đo lường bằng những thử thách trong tình yêu, hôn nhân. Như vậy, có thể thấy quan hệ luyến ái giữa nam và nữ trước hôn nhân thường bị cấm đoán, nếu vi phạm, họ sẽ bị phạt vạ theo quy định. Đây là những quy định để ngăn chặn, răn đe sự chung chạ bừa bãi hoặc sự lạm dụng trong xã hội Bahnar, đặc biệt điều này thật sự cần thiết để bảo vệ trẻ em gái trong cộng đồng.

Ngày nay, dưới sự tác động của nhiều yếu tố, đặc biệt trên cơ sở Luật hôn nhân gia đình, độ tuổi kết hôn của người Bahnar đã có những biến đổi nhiều so với trước đây. Luật hôn nhân và gia đình được triển khai đến các kon/plơi của người Bahnar nên tuổi kết hôn người Bahnar cũng đang có xu hướng tăng lên. Đa số tuổi kết hôn của nam trên 20 tuổi; hơn 18 tuổi đối với nữ. Tuy nhiên, ở các vùng sâu vùng xa, trường hợp tảo hôn vẫn còn tồn tại. Ngoài tiêu chí về tuổi tác, đạo đức, sức khỏe, phẩm chất và kỹ năng sống luôn là tiêu chí đầu tiên đa số trai gái Bahnar lựa chọn khi kết hôn đối với các cặp vợ chồng ở nông thôn ở Gia Lai. Kết quả phỏng vấn cho thấy, đa số nam nữ Bahnar ở nông thôn cho rằng tình cảm, đạo đức, trách nhiệm là các yếu tố không thể thiếu, tuy nhiên, nghề nghiệp và năng lực phát triển kinh tế được xem là tiêu chí đầu tiên khi kết hôn. Đặc biệt đối với nam giới, nếu không có nghề nghiệp hoặc không có khả năng kiếm tiền thì sẽ khó có khả năng cưới vợ, chưa nói đến việc nuôi sống gia đình của anh ta. Nghệ nhân A Biu ở Ngọc Bay, Kon Tum cho rằng: "Một người đàn ông không có tài sản rất khó lấy vợ. Hơn nữa, nếu anh ta nghèo về vật chất nhưng anh ta giỏi kiếm tiền thì việc lấy vợ đơn giản hơn so với một người có tài sản nhưng không biết làm ăn". Ngoài ra, tiêu chí trình độ văn hóa được các chàng trai cô gái chú ý hơn khi lựa chọn người yêu. Một cô gái hoặc chàng trai sẽ được nhìn nhận cao hơn người khác về "cái đầu" khi người đó được đi học ở các trường phổ thông, trung cấp, cao đẳng hoặc cao hơn nữa là đại họ,c... Một người Bahnar được đi học sẽ được chú ý từ khi đang còn đi học, đặc biệt đối với người có nghề nghiệp, cơ hội để lựa chọn bạn đời sẽ thuận lợi hơn so với những chàng trai, cô gái khác. Như vậy, trình độ học vấn và điều kiện kinh tế được nam nữ Bahnar chú trọng hơn so với trước đây. Tuy nhiên, yếu tố này không nặng nề như quan niệm ở các dân tộc khác.

3. Nguyên tắc hôn nhân và các quy định cấm kết hôn của người Bahnar

3.1. Đối tượng được kết hôn

Trong xã hội truyền thống, người Bahnar qui định những người được phép kết hôn bao gồm: (1) Những người có thể trạng bình thường chưa được kết hôn lần đầu thì được phép kết hôn. (2) Nam giới hoặc phụ nữ đã kết hôn nhưng chẳng may rơi vào trường hợp góa thì người góa được phép kết hôn (hôn nhân nối dây). (3) Một bộ phận nam giới giàu có, quyền lực muốn lấy vợ lẽ (tỷ lệ này rất ít xảy ra).

3.2. Các nguyên tắc hôn nhân

Nguyên tắc hôn nhân của người Bahnar là ngoại hôn dòng họ và nội hôn tộc người. Quy tắc ngoại hôn dòng họ là bắt buộc kết hôn khác dòng họ trong đồng tộc. Quy tắc nội hôn đòi hỏi 2 người kết hôn với nhau phải là thành viên cùng một dân tộc. Trong xã hội truyền thống, việc kết hôn với một thành viên khác dân tộc không được người Bahnar khuyến khích. Nguyên tắc ngoại hôn nhìn chung là quy tắc hôn nhân khá chặt chẽ nhằm ngăn chặn các hành vi loạn luân. Theo quy định, nam nữ có cùng dòng họ bên cha hoặc phía dòng họ mẹ dù cách xa nhiều đời vẫn không được lấy nhau. Nếu vi phạm điều này sẽ bị coi là loạn luân và họ sẽ bị xử phạt theo quy định của luật tục. Các quy định cấm kết hôn cụ thể như sau:

Thứ nhất, cấm kết hôn khi có quan hệ huyết thống và có quan hệ họ hàng gần (*krum kteh gel*)*:* Các quy định này được cụ thể hóa qua việc cấm kết hôn giữa cha mẹ đẻ hoặc con đẻ; giữa con đẻ với con nuôi; giữa anh chị em ruột với nhau. Giữa những người cùng chung huyết thống thuộc dòng họ cha hoặc trong dòng họ mẹ tuyệt đối không được lấy nhau, kể cả những thành viên cách xa nhau hơn ba đời. Kể cả các thành viên ba đời, bốn đời hoặc xa hơn luôn được xem là dòng họ. Nếu ai vi phạm là phạm vào tội loạn luân (*agam*), họ sẽ bị trừng phạt theo luật tục, hoặc bị đuổi, hoặc bị bán làm dik (nô lệ).

Thứ hai, cấm kết hôn kể cả có quan hệ họ hàng xa: Trường hợp đôi trai gái có họ hàng xa (*krung ktum gel*) nếu lấy nhau vẫn bị xem là loạn luân. Để hóa giải, họ phải nhờ già làng đứng ra tổ chức một lễ cúng nhỏ trước sự chứng kiến của dân làng để tạ lỗi với tổ tiên, sau đó có thể tiến hành lễ cưới. Trường hợp này đã xảy ra ở làng Đe Jun, cặp vợ chồng này đã cách xa năm đời vẫn bị dân làng cho rằng họ loạn luân. Trước họ tiến hành cưới hỏi, ngoài các sính lễ theo phong tục, "mỗi bên phải cúng hai con trâu tại nhà riêng và một con trâu (hai bên phải chịu) tại nhà rông" (Cán bộ phụ nữ làng Đe Jun, xã Yang Bắc, huyện Đắk Pơ cung cấp).

Thứ ba, không kết hôn với những ai bị mắc bệnh hoặc bị nghi ngờ về lai lịch: Trong quá khứ và hiện tại, người đang mắc bệnh tâm thần, người đang mắc bệnh truyền nhiễm, da liễu ít khi được cộng đồng Bahnar chọn để kết hôn.

Hiện nay, nguyên tắc hôn nhân truyền thống của người Bahnar được tiếp tục kế thừa, vận dụng trong cộng đồng. Bên cạch đó, những yếu tố mới phù hợp với tâm lý, điều kiện kinh tế, văn hóa, phong tục...được bà con tiếp nhận ở mức độ đạm nhạt khác nhau. Những người chưa kết hôn lần nào thì được kết hôn và người góa vợ góa chồng được tiếp tục tái hôn (nếu có nhu cầu). Hiện tượng lấy vợ lẽ (vợ hai) trong cộng đồng Bahnar hầu như không xuất hiện cho dù đối tượng này có điều kiện kinh tế hay địa vị xã hội nhất định. Trừ những trường hợp tảo hôn, các cặp vợ chồng đủ tuổi kết hôn đều đến UBND xã đăng ký kết hôn theo quy định.

Các quy định về tiêu chuẩn chọn vợ, chọn chồng của người Bahnar đã có sự chuyển biến mạnh mẽ, vừa kế thừa yếu tố truyền thống, vừa tuân thủ các quy định của luật hôn nhân gia đình hiện hành. Trong quá trình sống cộng cư, đan xen giữa người Bahnar với các cộng đồng khác, đối tượng kết hôn của nam nữ Bahnar đa dạng hơn. Hôn nhân đan xen lâu dài cùng với các dân tộc bản địa như Jrai, Sdang,... các mối quan hệ kinh tế, văn hóa ngày càng sâu rộng với các tộc người địa phương và các dân tộc di cư đến, hôn nhân hỗn hợp giữa người Bahnar với các dân tộc khác không còn là hiện tượng hiếm gặp. Cho đến nay, việc kết hôn với người ngoại tộc đã được đa số thành viên trong cộng đồng chấp nhận. Tuy nhiên, tỷ lệ kết hôn với người ngoại tộc không nhiều lắm, bởi họ vẫn còn e ngại gặp nhiều rủi ro hơn so với kết hôn cùng dân tộc.

Song song với lễ truyền thống, họ còn tiếp nhận phong tục hôn nhân của dân tộc Kinh, đó là tổ chức lễ y hệt như người Kinh. Sau nghi lễ hỏi và nghi thức cam kết, gia đình không tổ chức rước dâu...mà dự tiệc đãi khác ở các hôn trường tại thị trấn, thị tứ hoặc tại nhà văn hóa

cộng đồng như hai gia đình thỏa thuận. Đây là một sự thay đổi theo chiều hướng tiến bộ, giúp tăng cường sự hiểu biết, thúc đẩy mối quan hệ đoàn kết giữa các dân tộc anh em. Tuy nhiên, sự tiếp nhận nhanh chóng, không chọn lọc là một tác nhân làm mai một các giá trị văn hóa tộc người trong hôn nhân truyền thống của người Bahnar nói riêng và các tộc người thiểu số nói chung. Bên cạnh những yếu tố tiến bộ, quan niệm lạc hậu trong hôn nhân vẫn đang tồn tại trong cộng đồng Bahnar. Hiện tượng hôn nhân cận huyết thống đang tồn tại dưới nhiều hình thức như "cậu cháu lấy nhau, con cô lấy con bác, chú họ lấy cháu, cô cháu lấy nhau,...." (Anh A Ngươi, huyện Kbang cung cấp thông tin). Cần có những tác động quyết liệt từ các bên liên quan để ngăn chặn các quan niệm lạc hậu này trong cộng đồng người Bahnar và trong cộng đồng các dân tộc thiểu số hiện nay.

4. Hình thức cư trú trong hôn nhân

Người Bahnar theo chế độ hôn nhân phụ hệ. Nam giới chủ động cưới vợ, sau khi cưới, đôi vợ chồng mới có thể cư trú phía nhà chồng hoặc phía nhà vợ (cư trú luân phiên). Thời gian cư trú không ấn định là bao nhiêu mà phụ thuộc vào điều kiện kinh tế, hoàn cảnh của từng gia đình. Theo lẽ thông thường, vợ chồng mới cưới thường cư trú phía nhà chồng từ sáu tháng đến một năm, hoặc hơn, sau đó lại cư trú phía nhà vợ. Sau khi sinh con, hộ gia đình này quay về cư trú hẳn phía chồng hoặc phía vợ. Việc tách hộ được tiến hành sau cưới hoặc vài năm sau đó khi điều kiện vật chất, nhà cửa đảm bảo cho các nhu cầu của thành viên trong gia đình. Mặc dù nam giới là người chủ động cưới vợ, nhưng người phụ nữ không bị phụ thuộc hoàn toàn phía chồng mà có vai trò quan trọng trong việc đưa ra các quyết định liên quan đến gia đình và quyền sở hữu tài sản cho bản thân và con cái của họ.

Ngày nay, nguyên tắc hôn nhân một vợ một chồng tiếp tục được phát huy, phù hợp với quy định của pháp luật. Việc lựa chọn cư trú phía nhà chồng hay phía nhà vợ được thực hiện theo phong tục và phụ thuộc vào điều kiện kinh tế của từng gia đình. Ví dụ, một cặp vợ chồng ở làng Mơhra huyện Kông Lơng Khơng, huyện Kbang của tỉnh Gia Lai sau khi cưới, họ được bố mẹ cho phép tách hộ ở riêng và cư trú hẳn phía nhà vợ. Vợ chồng họ cho biết: "Bên nào có điều kiện thuận lợi hơn cho gia đình thì ở bên đó". Bên cạnh đó, ở một số địa phương như ở các xã Đak K'ning, xã Yang Nam, xã Sơ Ró của huyện Kbang và các làng Bahnar ở thị trấn Kông Chro thuộc tỉnh Gia Lai, hiện tại vẫn còn tục cưới chít, nghĩa là khi đôi bạn trẻ quen nhau, trong một thời gian tìm hiểu nhau, phía nhà trai/ hoặc nhà gái thấy ưng ý, họ sẽ thông báo với dân làng tổ chức cưới luôn mà không cần báo với bên thông gia. Khi tổ chức rồi họ mới cử người làm mai mối đi lên nhà con dâu, con rể thông báo cho gia đình là con cái họ đã chít rồi. Lúc đó nhà có con bị chít sẽ thông báo cho họ hàng đi dự tiệc cưới, nếu gia đình này chưa đủ điều kiện thì họ sẽ tổ chức lễ cưới sau, thường 3 tháng, 6 tháng hoặc 1 năm tùy theo; nhưng trong thời gian đó con gái vẫn ở nhà chồng làm dâu gia đình chồng.

Như vậy, quy định cư trú trong hôn nhân của người Bahnar đã có sự biến đổi. Sự biến đổi này phụ thuộc vào nhận thức của bản thân họ về các yếu tố đảm bảo cho sự phát triển kinh tế, sinh kế, giáo dục,… của hộ gia đình và sự tác động của chính sách xã hội. Dù lựa chọn sống bên chồng hay bên vợ, về cơ bản nguyên tắc hôn nhân của họ là một vợ một chồng, vừa tuân thủ nguyên tắc hôn nhân truyền thống, vừa theo quy định của pháp luật. Ông Đinh Côi tại làng Lợt, xã Nghĩa An, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai cho biết: "Lễ cưới của người Bahnar thực hiện đúng quy tắc nghi lễ truyền thống. Nếu không theo Tin Lành, cúng Yàng, cúng ông bà tổ tiên là những nghi lễ hết sức quan trọng". Chính vì thế, các thủ tục liên quan đến tín ngưỡng, phong tục tập quán được bà con coi trọng song song với các quy định của Luật hôn nhân gia

đình hiện hành. Trừ một số trường hợp, nam giới người Bahnar kết hôn với phụ nữ khác dân tộc, họ cưới vợ, cư trú phía nhà chồng chứ không cư trú luân phiên nữa, con cái lấy họ cha và theo dòng cha, chủ gia đình thường là người đàn ông. Theo họ việc lấy họ cha cho con cái là một trong những cách để phát triển dòng họ vốn đã ít ỏi của họ như hiện nay. Trường hợp người phụ nữ lấy chồng là dân tộc khác, ví dụ một trường hợp ở xã Glar, huyện Đắk Đoa, tỉnh Gia Lia, chồng là người Jrai, lễ cưới được tổ chức hai bên, con cái theo cả họ cha nhưng lại lấy dân tộc mẹ. Việc lựa chọn cư trú phía nhà gái hoặc nhà trai phụ thuộc vào điều kiện kinh tế của mỗi bên, người quyết định đến việc chọn cư trú bên nào thường thiên vào quyết định của người chồng, kể cả trong sổ hộ khẩu, người chồng là chủ hộ và đôi khi họ là người giao dịch chính cho các công việc quan trọng của gia đình.

5. Các quy định khác trong hôn nhân

5.1. Trường hợp khi vợ hoặc chồng chết, người góa được phép tái hôn (hôn nhân nối dây)

Hôn nhân nối dây là hình thức hôn nhân khi người chồng chết thì người vợ góa được tái hôn với anh chồng/em chồng, và ngược lại, nếu vợ chết, người chồng được kết hôn với em vợ. "Người đàn ông chết vợ có thể lấy chị hoặc em vợ. Người đàn bà chết chồng cũng có thể lấy anh hoặc em chồng mình. Nhưng cả hai phải ưng thuận nhau mới được. Không riêng gì người Bahnar, các dân Mọi trên dãy Trường Sơn và theo lời của các nhà nhân chủng học, phần nhiều các dân tộc thuộc nhóm người cổ sơ đều có tục này cả" (Nguyễn Kinh Chi và Nguyễn Đổng Chi, 2011, tr,224). Theo quy định, nếu người góa nghiêm túc, không quan hệ tình ái với một người khác, có trách nhiệm với con cái, trông coi mộ phần người đã khuất,… thì gia đình sẽ tiến hành lễ bỏ mả. Trong công trình *V. La tribu bahnar du Kontum (plateaux de l'Indochine centrale)*, tác giả Paul Guilleminet cho rằng "Cái chết là kết thúc bình thường của một hộ gia đình. Người sống sót không ngay lập tức được giải phóng khỏi nghĩa vụ của mình đối với người phối ngẫu của mình đã qua đời như trường hợp ly dị: (1) Người đó phải trung thành với người chết đến khi làm xong lễ bỏ mả. Nếu không thì anh ta sẽ bị kết tội là gian dâm nếu người giám hộ ngôi mộ lên tiếng khi anh ta phạm lỗi. (2) Anh ta thực sự phải hy sinh nguồn lực của mình và tham gia các nghi lễ của tang lễ (Guilleminet Paul, 1952, tr. 475, 476).

Trong trường hợp người còn lại không chịu nối dây thì tài sản của vợ/chồng đã chết thuộc quyền sở hữu của họ hàng hai bên. Nếu chấp nhận tiếp tục nối dây thì vợ hoặc chồng sẽ được tài sản và được ở nhà do mình với người vợ/người chồng trước làm ra. Gia đình tiến hành nghi lễ *bẻ cần* cho họ theo quy định. Sau nghi thức bẻ cần, người đàn ông ấy chia tay với gia đình mà không có một rào cản nào khác hay tị hiềm gì sau này khi anh ta kết hôn. Tài sản, đất đai mà bên nhà gái chia cho con gái mình, chàng trai phải trả lại gia đình vợ và những đứa con sẽ thừa hưởng khi trưởng thành sau này" (Ông Đinh Văn Ơn, người Bahanr, 58 tuổi, xã Yang Trung, huyện Kông Chro cung cấp thông tin). "Bẻ cần" là một phong tục thể hiện tính nhân văn sâu sắc. Tục này góp phần hạn chế nạn đa thê đa thiếp, tạo nên sự đồng thuận trong trường hợp chồng hoặc vợ qua đời trước. Tục nối dây tựu trung có hai nguyên nhân chính: "(1) Vì hạnh phúc gia đình: khi cha mẹ chết, ắt để lại một bầy con. Nếu người còn sống cưới một người trong dòng họ anh/em của chồng hoặc chị/em của vợ để thế cho người đã qua đời,… cùng huyết thống, người cha mới, người mẹ mới, đối đãi với nhau thân mật; (2) Vì quyền sở hữu: Khi vợ chồng lấy nhau, thời người này nhận người nọ là vật sở hữu của mình. Nay một người chết đi, lẽ tất nhiên, vật sở hữu ấy giao về cho người bà con thân thích, tức là anh em, chị em vậy" (Nguyễn Kinh Chi, Nguyễn Đổng Chi, 2011, tr.224).

Như vậy, nếu xét về bản chất, tục nối dây không chỉ tuân thủ nguyên tắc hôn nhân một vợ một chồng mà còn ngăn chặn hiện tượng ngược đãi trẻ em. Hiện nay, trường hợp hôn nhân nối dây vẫn tồn tại ở các làng thuộc vùng sâu, vùng xa nhưng tỷ lệ rất thấp. Trong trường hợp khi vợ hoặc chồng chết, họ có thể kết hôn theo tục nối dây hoặc có quyền lựa chọn một người khác, hoặc không kết hôn và sống cùng con cái của mình. Đó là sự biến đổi về nhận thức trong xu hướng hôn nhân ngày nay.

5.2. Trường hợp ly hôn (ly dị)

Thực tiễn cho thấy, người Bahnar rất ít khi ly dị nhưng không phải không có. Ly dị trong xã hội Bahnar bởi các nguyên nhân sau đây (Guilleminet Paul, 1952, tr.474 -475):

1. Người bị kết án nhiều lần vì những lý do nghiêm trọng, bị kết tội vì một tội ác lớn;

2. Vợ vô sinh hoặc chồng ngoại tình được lặp đi lặp lại;

3. Bỏ nhà nhiều lần và từ chối chăm sóc vợ hoặc chồng;

4. Từ chối cung cấp nguồn lực và năng lực khi bên vợ/chồng có nhu cầu;

5. Từ chối phục vụ nhu cầu riêng tư của vợ/chồng hoặc bất lực của người chồng;

6. Những bất đồng nghiêm trọng mà đã có các can thiệp nhưng không thể chấm dứt và thường xuyên đánh đập vợ con;

7. Việc từ chối giúp đỡ bố mẹ vợ hoặc chồng trong trường hợp họ góa bụa. Hoặc từ chối nuôi con của chồng hoặc vợ trong trường hợp lấy người đã ly dị trước đó;

8. Bị nhiễm các bệnh liên quan đến hoa liễu hoặc sự ô nhiễm có hệ thống mà không chịu điều trị;

9. Đi vắng lâu ngày khi trở về và thấy người phối ngẫu đã tái hôn.

Như vậy, có thể thấy vợ hoặc chồng được quyền ly hôn khi cảm thấy không thể dung hòa được nữa. "Khi vợ hoặc chồng phạm lỗi nào đó, người kia có quyền kiện tới tơm plei,… Nếu có chứng cớ rõ ràng và người kiện xin ly dị cho được, thời họ phải nghe" (Nguyễn Kinh Chi và Nguyễn Đổng Chi, 2011, tr 225). Nếu người chồng tùy tiện ly dị mà không có lý do chính đáng thì bị phạt heo, bò hoặc cả đất đai như đã cam kết, các chi phí tổ chức cưới hỏi coi như mất trắng. Trong trường hợp đã có con, chồng phải đền cho vợ từ ba đến bốn con bò. Nếu hai vợ chồng có tài sản chung thì người chồng phải giao toàn bộ tài sản đó cho vợ con. Ngược lại, trong trường hợp người vợ chủ động bỏ chồng, mặc dù đã có con chung thì người vợ phải bồi thường danh dự cho người chồng một con heo hay một con bò. Trong trường hợp này, người chồng có tài sản riêng thì được lấy về. Việc trợ cấp cho con hay không phụ thuộc vào sự thỏa thuận của chồng và vợ trước khi họ ly dị.

Người Bahnar quy định, khi ly hôn, tài sản riêng của ai thì người ấy giữ lấy. Những tài sản do mồ hôi công sức làm chung thì được xem là tài sản chung. Trong trường hợp người chồng ly hôn mà không có nghĩa vụ trợ cấp nuôi con và bồi thường danh dự cho vợ thì tài sản riêng của họ được để lại cho vợ và con. Ngược lại, nếu người vợ xin ly hôn thì vợ phải bồi thường danh dự cho chồng; con cái do người vợ nuôi. Trên thực tế, trong trường hợp người vợ chủ động ly hôn khi vi phạm cam kết thì người chồng thường không thực hiện nghĩa vụ nuôi con.

Khi người vợ hay người chồng chết thì tài sản của họ được để lại cho con cái cùng người chồng và ngược lại. Trong trường hợp người vợ, người chồng, con cái đều chết thì tài sản riêng của họ thuộc quyền thừa kế của hai dòng họ gia đình bên vợ, bên chồng. Tuy nhiên, người nào có trách nhiệm chăm sóc, trông coi mồ mả của người chết để lại tài sản thì họ được hưởng phần thừa kế nhiều hơn những người đồng thừa kế khác.

Khi vợ chồng ly dị, nếu con cái còn nhỏ thì giao cho người mẹ nuôi dưỡng. Người chồng chỉ trợ cấp nuôi con một lần (từ 2 đến 3 con bò hoặc bằng hiện vật khác), trường hợp con cái đã có chiều cao khỏi ngực mẹ trở lên, khi bố mẹ ly hôn thì con cái có thể lựa chọn ở bên người mẹ hoặc bên người cha, phương án con cái thường lựa chọn ở với mẹ nhiều hơn. Và "Trừ đứa còn bú mẹ phải nuôi. Tài sản của ai người đó lấy, tài sản chung được phân chia phụ thuộc vào sự thỏa thuận giữa hai bên theo phong tục. Nếu chưa có con thì của cải làm chung chia đôi. Nếu có con thì phải chia theo số con cộng với phần cha mẹ mà cho cân. Ví dụ, có ba đứa con thì phải chia năm phần cả cha và cả mẹ. Con ở theo người nào thì người ấy được giữ của cải cho chúng nó" (Nguyễn Kinh Chi và Nguyễn Đổng Chi, 2011, tr 225). Hiện nay, nếu vợ chết, người cha tái hôn với một người phụ nữ không cùng dòng họ phía mẹ thì con cái thường ở với bà nội chứ ít khi theo cha cùng với vợ mới của anh ta.

Có thế nói, các định chế cổ truyền trong hôn nhân người Bahnar khá chặt chẽ và được tuân thủ ở cấp độ cộng đồng và cá nhân. "Nhìn một cách tổng thể, luật tục hôn nhân, gia đình đã tạo nên sự ổn định trong đời sống xã hội các tộc người tại chỗ Tây Nguyên và trong bối cảnh xã hội hiện nay, chúng đang đóng vai trò hỗ trợ tích cực cho việc thực hiện tốt luật hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật" (Nguyễn Mạnh Hùng, 2016, tr159). Hiện nay, Mặc dù đã có sự nới lỏng về các quy định trong việc nộp phạt khi vi phạm lời cam kết, nhưng việc giải quyết ly dị trong cộng đồng Bahnar không chỉ được áp dụng theo luật tục như trước kia, mà còn có sự can thiệp của pháp luật hiện hành thông qua vai trò của Tổ hòa giải. Nếu hòa giải không thành công, họ sẽ đệ đơn ra tòa theo quy định của pháp luật (mặc dù trường hợp này chiếm tỷ lệ rất thấp trong xã hội Bahnar).

5.3. Các quy định khi ngoại tình hoặc có vợ lẽ

** Trường hợp ngoại tình*

Tội ngoại tình được coi là tội nặng, bởi tính hệ lụy của nó không chỉ gây ảnh hưởng tới hạnh phúc gia đình mà còn ảnh hưởng đến uy tín, danh dự và quyền lợi của gia đình, con cái và người đại diện. Họ không chỉ bị lên án mà còn phải nộp phạt bằng các con vật có giá trị lớn (trâu, bò) hoặc đất đai như cam kết. Theo quy định của luật tục, nếu vợ hoặc chồng ngoại tình thì sẽ bị xử phạt như sau:

- Người đã có vợ ngoại tình với người đã có chồng thì người đàn ông bị phạt phải cúng cho vợ mình hoặc dòng họ nhà vợ con heo hoặc con bò, trong trường hợp người vợ ngoại tình thì cũng tương tự như vậy (Đinh Muih, già làng Mơhra, xã Kông Lơng Khơng, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai cung cấp thông tin).

- Nếu bỏ vợ, bỏ chồng để lấy nhau thì bị phạt bồi thường bằng một con heo hay một con bò cho vợ cũ, chồng cũ của mình. Tài sản của họ phải để lại cho người vợ/người chồng cũ sử dụng và để nuôi con sau khi ly hôn.

- Nam giới chưa có vợ ngoại tình với phụ nữ đang có chồng thì cúng cho chồng của người phụ nữ đó một con heo, năm ghè rượu và đồng thời người phụ nữ đó phải nộp phạt cho chồng của cô ta.

- Nếu một người đàn ông đang có vợ ngoại tình với một phụ nữ chưa chồng, khiến cô ấy có con thì anh ta bị phạt gấp đôi, nghĩa là ngoài việc cúng cho vợ, anh ta còn phải có nghĩa vụ trợ cấp nuôi dưỡng đứa trẻ đó đến tuổi trưởng thành.

- Trong trường hợp đàn ông đang có vợ ngoại tình với phụ nữ chưa có chồng thì phải nộp phạt cho vợ mình, còn người phụ nữ kia cũng nộp phạt cho vợ của người đàn ông đó nữa.

** Trường hợp có vợ lẽ*

Trong xã hội cổ truyền, hiện tượng lấy vợ lẽ thường xuất hiện đối với những người đàn ông giàu có, có địa vị xã hội. Nếu người chồng lấy vợ lẽ mà không được sự đồng ý của người vợ chính thì người vợ được quyền ly dị. Trong trường hợp người vợ cả đồng ý, người chồng phải thực hiện nghi thức xin lỗi vợ và nộp phạt cho vợ mình bằng những hiện vật có giá trị, kể cả đất đai. Lấy vợ lẽ "là cách chơi sang trọng của người giàu có. Muốn lấy vợ lẽ, người chồng phải xin phép vợ lớn và phải bồi thường cho người này. Của bồi thường phải đem giao cho vợ trước mặt tơm plei. Đám cưới vợ bé giản tiện hơn,… Khi làm lễ *kơ kom tep*, ba người đều nằm nhưng không thay đổi chăn màn. Từ đó về sau, người chồng gọi vợ lớn là *akan tơm (*vợ gốc), và gọi vợ lẽ là *akan goi* (vợ ngọn),… Người vợ lớn đã nhận đủ bồi thường của chồng rồi thì không được ghen tuông gì nữa. Nếu lôi thôi, người chồng sẽ kiện và đòi bồi thường của lại mà vẫn có quyền giữ lấy vợ bé" (Nguyễn Kinh Chi và Nguyễn Đổng Chi, 2011, tr.223). Có những trường hợp người vợ lớn có quyền từ chối không đồng ý chồng lấy vợ lẽ. "Cô ấy có quyền yêu cầu ly hôn và khẳng định quyền của mình,… người phụ nữ này được hưởng một phần bồi thường lớn cho bản thân và một phần cho con cái của mình" (Nguyễn Kinh Chi và Nguyễn Đổng Chi, 2011, 174). "Nếu vợ lớn đồng ý khi chồng mình có vợ bé, anh ta phải làm một nghi lễ để vợ lớn chấp nhận. Người chồng phải bồi thường cho vợ mình khi bà ấy đề nghị mức bồi thường nào đó, có thể là trâu, bò, chiêng, ghè hoặc cả đất đai. Tài sản bồi thường được vợ dùng làm của riêng. Sau khi tiến hành các nghi thức trước sự chứng kiến của vợ lớn và cộng đồng, người vợ lớn cam kết không ghen tuông sau khi đã cam kết" (Đinh Vưt, già làng làng Đe Jro Ktu, xã Yang Bắc, huyện Đắk Pơ cung cấp thông tin).

Như vậy, có thể thấy trong hôn nhân người Bahnar xuất hiện trường hợp đa thê, mặc dù điều đó chỉ là cá biệt trong xã hội Bahnar truyền thống. Hiện nay, việc lấy vợ bé (đa thê) không tồn tại nữa dù hoàn cảnh giàu hay nghèo. Sự khắc khe của luật tục và nguyên tắc hôn nhân một vợ một chồng theo pháp luật được vận dụng nhằm để bảo vệ sự bền vững của hôn nhân gia đình tiếp tục được thực thi.

Các hình thức xử phạt khi vi phạm luật tục hôn nhân phổ biến trong cộng đồng Bahnar là (1) Giáo dục, nhắc nhở, răn đe nếu như không bằng chứng; (2) Nếu có bằng chứng, nhân chứng, gia đình và cộng đồng đưa người vi phạm ra xét xử. Các hiện vật nộp phạt thường là gà, heo, rượu, bò, trâu hoặc cồng chiêng hay đất đai. (3) Cá biệt có những trường hợp tội nặng bị đuổi khỏi làng. Những trường hợp như vậy mang tính chất răn đe, đủ làm người ta phải dừng lại ý nghĩ và hành vi của mình. "Theo phong tục trước đây, nếu chồng bỏ vợ hoặc ngược lại thì bị phạt trâu bò, ruộng đất, thấp nhất là từ 3-4 con trâu và đất đai để đền bù cho người bị bỏ rơi. Bây giờ có pháp luật rồi nên vừa theo phong tục và vừa theo pháp luật. Nếu có ai vi phạm thì phải xử theo phong tục, sau đó mới đưa lên xã. Lên xã thì phải theo quy định của luật pháp Nhà nước. Nhưng ở ở người Bahnar rất ít khi vợ chồng bỏ nhau" (Ông Đinh Neng, 67 tuổi, người Bahnar làng Jro Ktu, xã Yang Bắc, huyện Đắk Pơ cung cấp thông tin).

Ngoài ra, luật tục hôn nhân, gia đình của người Bahnar không chỉ chú ý sự bền vững trong hôn nhân, quyền lợi và trách nhiệm của vợ, chồng và con cái mà còn quan tâm bảo vệ quyền lợi nam nữ khi chưa lập gia đình. Trên cơ sở các điều liên quan đến quan hệ nam nữ trước hôn nhân, có thể thấy các trường hợp, như: con trai yêu con gái nhưng không cưới; trường hợp quan hệ với nhau nhưng không báo cho già làng biết; con trai từ hôn hoặc con gái từ hôn; trường hợp không chồng mà chửa,... đều được quy định cụ thể trong luật tục.

6. Kết luận

Tương như như các tộc người khác trong xã hội, hôn nhân của người Bahnar là quá trình kết hợp đặc biệt giữa nam và nữ, là phương thức kết nối, duy trì và phát triển của cá nhân gắn với thiết chế xã hội, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống gia đình, dòng tộc và cộng đồng. Những yếu tố liên quan đến quyền lợi, trách nhiệm của cá nhân trong tình yêu đôi lứa trước khi tiến tới một cuộc hôn nhân hạnh phúc được người Bahnar chú ý từ rất sớm. Các quy trình cưới hỏi, những cam kết trong hôn nhân, những lỗi lầm khi vợ/chồng mắc phải trong tình cảm, kể cả những hành vi gây ra tổn thương về tinh thần và thể chất của người chồng và người vợ đều bị xem là vi phạm cam kết, kể cả trường hợp những cam kết của nam nữ trước khi kết hôn. Hiện nay, những giá trị tích cực trong hôn nhân tiếp tục được người Bahnar vận dụng ở mức độ đậm nhạt khác nhau. Hiện tượng cưới vợ lẻ, gả bán,... tự bản thân nó không còn phù hợp với môi trường mới. Tuy nhiên, trước sự tác động của yếu tố, hiện nay tảo hôn vẫn còn tồn tại, trở thành một vấn nạn không chỉ vùng đồng bào Bahnar và cộng đồng dân tộc thiểu số Tây Nguyên. Do vậy, những khảo sát, nghiên cứu chuyên sâu và sự vào cuộc mạnh mẽ, khẩn trương của chính quyền các cấp trong hành trình phát triển nông thôn mới hiện nay là điều hết sức cần thiết.

Tài liệu tham khảo

Cửu Long Giang Toan Ánh. (1974). *Cao nguyên miền thượng.* Nxb Sài Gòn.

Ban Dân tộc tỉnh Gia Lai (2019). Báo cáo số 142/BC-BDT ngày 01/3/2019.

Nguyễn Kinh Chi, Nguyễn Đổng Chi. (2011). *Người Ba-na ở Kon Tum (Les Bahnar de Kon Tum)*. Nguyễn Văn Ký dịch sang tiếng Pháp. Nxb Tri Thức.

Phan Hữu Dật. (1998). *Một số vấn đề Dân tộc học Việt Nam.* Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

Guilleminet Paul. (1952). La tribu bahnar du Kontum (*Ba tribu bahnar du Kontum),* plateaux de l'Indochine centrale. Bản tin của Viện Viễn Đông của Pháp. Tập 45, số 2.

Nguyễn Văn Huy. (1998). *Bức tranh văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam*. Nxb Giáo dục.

Nguyễn Mạnh Hùng. (2016). "Vai trò của một số định chế xã hội phi chính thức đối với sự phát triển bền vững Tây Nguyên". Đề tài khoa học.

Ngô Văn Lệ. (2010). *Văn hóa tộc người, truyền thống và biến đổi*. Nxb Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

Vũ Đình Lợi. (1994). *Gia đình và hôn nhân truyền thống ở các dân tộc Malayo-Polynêxia Trường sơn – Tây Nguyên.* Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

Buôn Krông Tuyết Nhung. (2012). *Văn hóa mẫu hệ Êđê qua sử thi*. Nxb Văn hóa Dân tộc.

Buôn Krông Tuyết Nhung. (2019). *Luật tục Bahnar.* Nxb Văn hóa Dân tộc.

Buôn Krông Tuyết Nhung. (2019). Luật tục Bahnar với giáo dục truyền thống. *Tạp chí KHXH vùng Tây Nguyên,* 01(33), tr 28 – 38.

Ngô Đức Thịnh chủ biên (1998). *Luật tục Êđê*. Nxb Chính trị Quốc Gia.

Ngô Đức Thịnh, Ngô văn Lý (2004). *Tìm hiểu Luật tục các dân tộc ở vùng Tây Nguyên.* Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

Ủy ban quyền trẻ em Liên Hiệp Quốc. (1989). Công ước về Quyền trẻ em.

Đặng Nghiêm Vạn (Chủ biên). (1998). *Dân tộc học đại cương*. Nxb Giáo dục.